

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 11/TC-CNA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 1986

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 11-TC/CNA NGÀY 22-7-1986
HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP
QUỸ XÍ NGHIỆP TRONG CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH.

Thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 6-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong công nghiệp quốc doanh như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp được quy định dựa trên lợi nhuận thực sự làm ra của xí nghiệp, khi phân phối có tính đến mức hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh được duyệt; vận dụng nguyên tắc phân phối theo lao động và sự công bằng xã hội giữa các đơn vị xí nghiệp và giữa các ngành kinh tế, bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa ba lợi ích là lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể xí nghiệp và lợi ích cá nhân người lao động, sử dụng lợi nhuận như một đòn bẩy kinh tế quan trọng để không ngừng thúc đẩy sản xuất phát triển và kinh doanh có hiệu quả.

2. Căn cứ để thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của đơn vị xí nghiệp.

- Lợi nhuận kế hoạch hàng năm của xí nghiệp được xác định trên cơ sở tổng doanh thu kế hoạch tính theo giá bán của sản phẩm (sau khi đã trừ đi các khoản chênh lệch giá nếu có); trừ đi giá thành kế hoạch và thu quốc doanh và thuế phải nộp.

Lợi nhuận sản xuất chính, sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm và các khoản lợi nhuận khác (như lợi nhuận sản xuất phụ trợ và cung cấp lao vụ cho bên ngoài, lợi nhuận kinh doanh ngoài cơ bản...) phải được kế hoạch hoá trong một kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính thống nhất của xí nghiệp.

- Lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp bao gồm các khoản lợi nhuận của các phần sản xuất nói trên và được xác định trên cơ sở tổng doanh thu thực hiện trừ đi giá thành thực tế được duyệt,

trừ đi thu quốc doanh (kể cả khoản thu quốc doanh bổ sung) hoặc thuế và khoản thu về chênh lệch giá nếu có.

3. Ngoài khoản lợi nhuận sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm được phân phối theo những tỷ lệ khuyến khích, các khoản lợi nhuận còn lại được phân phối theo những tỷ lệ thống nhất.

Để khuyến khích xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch được duyệt, phần vượt kế hoạch về lợi nhuận được khuyến khích với tỷ lệ phần trăm để lại xí nghiệp cao hơn

Ngược lại nếu xí nghiệp không hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu của Nhà nước thì sẽ bị phạt trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp, nhằm tránh tình trạng xí nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, hạch toán tăng lợi nhuận trong khi không hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng và chất lượng sản phẩm.

4. Căn cứ để tính mức trích quỹ xí nghiệp là lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp. Còn điều kiện để được trích lập quỹ xí nghiệp là lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước và các chỉ tiêu pháp lệnh chủ yếu khác.

Xí nghiệp thực hiện việc trích lập 3 quỹ kịp thời ngay từng quý trong năm, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước theo kế hoạch.

5. Mở rộng hơn phạm vi sử dụng lợi nhuận, phạm vi sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng nhằm nâng cao quyền tự chủ của xí nghiệp trong việc sử dụng phần lợi nhuận để lại xí nghiệp.

II- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

1. Kế hoạch hoá phân phối lợi nhuận:

Tổng số lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp được phân phối theo tỷ lệ để lại xí nghiệp 50% và nộp ngân sách Nhà nước 50% .

Riêng đối với lợi nhuận kế hoạch của sản phẩm sản xuất phụ bằng phế liệu phế phẩm, xí nghiệp được kế hoạch hoá để lại xí nghiệp 70% và nộp ngân sách Nhà nước 30%.

Toàn bộ phần lợi nhuận để lại xí nghiệp theo kế hoạch được phân cho 3 quỹ, theo tỷ lệ quy định như sau:

Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất từ 35% đến 50%. Mức cụ thể trong khoảng từ 35 đến 50% do Bộ, Sở chủ quản quy định cho phù hợp với yêu cầu và đặc điểm sản xuất của từng xí nghiệp, từng ngành.

Số còn lại trích vào 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi, trong đó 2/ 3 cho quỹ khen thưởng và khoảng 1/3 cho quỹ phúc lợi. Mức trích cụ thể do giám đốc xí nghiệp quyết định sau khi có ý kiến tham gia của công đoàn cơ sở.

Xí nghiệp không được lấy phần lợi nhuận và phần khấu hao cơ bản phải nộp ngân sách Nhà nước, hoặc các khoản phải nộp khác để trả nợ tiền vay ngân hàng về đầu tư mua sắm tài sản cố định.

2. Thực hiện phân phối lợi nhuận:

Trên cơ sở tổng số lợi nhuận kế hoạch, số lợi nhuận phải nộp ngân sách của xí nghiệp nói trên được duyệt và trở thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Số lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước theo kế hoạch được phân thành 4 quý và xí nghiệp có nhiệm vụ nộp đều hàng tháng (hoặc theo định kỳ do đặc điểm chu kỳ sản xuất sản phẩm) vào ngân sách Nhà nước.

Số được trích 3 quỹ theo kế hoạch cả năm được phân ra làm 4 quý và xí nghiệp được tạm trích 70% hàng quý vào mỗi quý sau khi đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước hàng quý theo kế hoạch được duyệt và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính (chi cục thu quốc doanh và quản lý tài chính xí nghiệp trung ương - đối với các đơn vị xí nghiệp trung ương; hoặc tài chính địa phương - đối với xí nghiệp địa phương).

Hết năm khi xét duyệt quyết toán (bao gồm việc xét duyệt để trích lập chính thức các quỹ xí nghiệp), xí nghiệp sẽ được tính toán đầy đủ số trích lập 3 quỹ theo thứ tự như sau:

- Tổng số lợi nhuận thực hiện trong phạm vi của số kế hoạch lợi nhuận đã được duyệt thì phân phối như quy định ở điểm 1, mục II nói trên: 50% nộp vào ngân sách Nhà nước, 50% để lại xí nghiệp đối với sản xuất chính; đối với phần sản xuất phụ bằng phế liệu phế phẩm: 30% nộp ngân sách, 70% để lại xí nghiệp. Trường hợp xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch nộp lợi nhuận của sản xuất chính (trên cơ sở của số lợi nhuận thực hiện) thì số lợi nhuận sản xuất phụ phải nộp ngân sách 50%, để lại xí nghiệp 50%.

Tỷ lệ phân phối lợi nhuận của sản xuất phụ được áp dụng chung cho cả phần trong kế hoạch và vượt kế hoạch.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch của phần sản xuất chính (kể cả sản xuất phụ trợ hoặc lao vụ cho bên ngoài và kinh doanh ngoài cơ bản nếu có) được phân phối như sau:

Đối với các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm... (gọi chung là công nghiệp B): lợi nhuận vượt kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước 40%, để lại xí nghiệp 60%.

Đối với các ngành công nghiệp nặng, khai thác gỗ, đánh cá biển... (gọi chung là công nghiệp A): nộp ngân sách Nhà nước 20%, để lại xí nghiệp 80%.

Phần lợi nhuận để lại xí nghiệp (kể cả trong kế hoạch và vượt kế hoạch) được phân phối cho 3 quỹ theo các tỷ lệ quy định ở điểm 1, mục II sau khi trừ đi các khoản phải nộp phạt về vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm kỷ luật tiền mặt, tín dụng, thanh toán... chi trả các khoản bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành như các khoản chi phí tiêu cực, lãng phí...

Nếu xí nghiệp không hoàn thành 3 (hoặc 2, hoặc 1 tùy theo loại xí nghiệp) chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chủ yếu cả năm nói sau đây:

- Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện (trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu nếu có).
- Sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu nếu có).
- Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản nộp khác), thì cứ mỗi phần trăm, không hoàn thành về 1 trong 2 chỉ tiêu thứ nhất và thứ 2 phải trừ đi 2% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ) và mỗi phần trăm không hoàn thành chỉ tiêu thứ 3, phải trừ đi 3% số tiền được trích cho mỗi quỹ.

Khi đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu các khoản nộp ngân sách, cần phải so sánh tổng số các khoản nộp thực tế với tổng số các khoản nộp theo kế hoạch, bao gồm số nộp lợi nhuận, thu quốc doanh, hoặc thuế, khấu hao cơ bản phải nộp và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá nếu có v.v... và các khoản nộp thực tế đó chỉ được xác nhận trong phạm vi của số phát sinh phải nộp.

Ví dụ:

Các khoản phải nộp	Theo kế hoạch		Theo thực tế			Số đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch nộp	
	Tổng số	Số phải	Tổng số	Số	Số đã nộp	Tổng	
Ngân sách							